QUYỂN 1

Khái luận về dương trạch:

Xét về dương trạch tức là phải xét 3 chủ điểm mới, có thể quyết định được cát hung, ba chủ điểm đó là Môn - Chủ - Táo.

- Môn là cổng chính để ra vào, ở thôn quê đất rộng người thưa thường nhà ở và cổng ngõ riêng biệt.
- Chủ là căn nhà tọa lạc: là nơi mình ăn ở sinh sống hàng ngày.
- Táo là bếp nước, nơi sửa soạn thức ăn, thức uống.

Cả 3 điểm nêu trên đều có mối tương quan mật thiết không thể tách rời. Phương pháp khảo sát phải theo một quá trình nhất định:

Trước hết phải xem cổng lớn (đại môn), kế đến là chủ phòng, sau hết là bếp. Nhà thường có một cổng chính ra vào: một bếp để nấu nướng, việc khảo sát có phần dễ dàng. Những nhà ở có nhiều căn nhiều phòng, tất phải chọn một nơi làm chuẩn. Vậy phải chọn căn hoặc phòng nào cao lớn nhất làm chủ vị.

Theo lý thuyết âm dương và ngũ hành thời Môn và chủ tương sinh là cát, tương khắc là hung. Nói về bếp nước, nơi đây là nguồn gốc nuôi dưỡng con người, không thể coi thường. Do đó, bếp cần được tương sinh với Môn, sau là tương sinh với Chủ. Tuy nhiên, nếu chỉ quan sát bếp nước mà bỏ qua Môn và Chủ thời đó lại là điều sai lầm đáng tiếc. Vậy thì Môn - Chủ - Táo phải được tương sinh theo thể liên hoàn và rất kỵ tương khắc. Ngoài ra, rất cần hợp với Mạng nguyên của Trạch chú, nếu hội đủ những điều kiện trên thời nhà thịnh vượng, phúc thọ song toàn.

Vậy muốn nắm vững được bí quyết, cần phải hiểu rõ sinh khắc của ngũ hành, sự phối hợp về âm dương, thuộc lòng bài ca Du Niên. Được vậy là đã nắm được những yếu tố cơ bản của môn Bát trạch, kế đó cần tham khảo thêm những tài liệu sau đây:

Vô cực đồ - Thái cực đồ - Lưỡng nghi đồ - Thứ tự bát quái của Vua Văn Vương – Hà Đồ - Lạc thư.

Bát quái với Ngũ hành:

- Càn là cha – Phương Tây Bắc - thuộc Kim.
- Khôn là mẹ - Phương Tây Nam - thuộc Thổ.
- Cấn là Thiếu nam – Phương Đông Bắc - thuộc Thổ.
- Đoài - Thiếu nữ - Phương Chính Tây - thuộc Kim.
- Khảm – Trung nam – Phương Chính Bắc - thuộc Thủy.
- Ly – Trung nữ - Phương Chính Nam - thuộc Hỏa.
- Chấn - Trưởng Nam – Phương Chính Đông - thuộc Mộc.
- Tốn - Trưởng Nữ - Phương Đông Nam - thuộc Mộc.

Bát quái tương phối:

- Càn phối Khôn
- Cấn phối Đoài
- Khảm phối Ly
- Tốn phối Chấn

Ngũ hành tương sinh về tương khắc:

- Kim sinh Thủy → Mộc → Hỏa → Thổ → Kim
- Kim khắc Mộc → Thổ → Thủy → Hỏa → Kim

Tây tứ trạch và Đông tứ trạch:

- Tây tứ trạch : Càn – Khôn - Cấn – Đoài
- Đông tứ trạch : Khảm – Ly - Chấn - Tốn

Đông Tây tứ trạch rất kỵ hỗn loạn:

Đông Tây tứ trạch cần phải phân biệt rõ ràng, không được hỗn loạn. Ví dụ: Môn và Táo thuộc Tây tứ trạch mà Chủ lại thuộc Đông tứ trạch. Khi đã có sự hỗn loạn thời

đương nhiên có sự tương khắc, nếu không gặp Kim khắc Mộc thời Mộc khắc Thổ, xét về sau, nếu không phạm Lục Sát, Họa hại thời, gặp Ngũ quỷ tuyệt mạng, đó đều là hung triệu. Theo kinh nghiệm của soạn giả, những nhà phú quý lâu dài không bao giờ phạm vào sự hỗn loạn kể trên.

Bài ca Đại Du Niên:

Bài ca này rất quan trọng, cần phải học thuộc lòng thời mới sao dược ô cung, do đó mới xác định được cát hung.

- Càn Lục Thiên Ngũ Họa Tuyệt Diên Sinh.
- Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên tuyệt Họa Lục.
- Cấn Lục Tuyệt Họa Sinh Diên Thiên Ngũ
- Chấn Diên Sinh Họa Tuyệt Ngũ Thiên Lục
- Tốn Thiên Ngũ Lục Học sinh Tuyệt Diễn
- Ly lục Ngũ tuyệt Diên Họa sinh Thiên
- Khôn Thiên Diên Tuyệt sinh họa Ngũ lục
- Loài sinh Họa Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiền.

Trên đây là tên của các sao, sẽ nói rõ ở phần dưới. Sau đây là cách thức an sao vào tám quẻ. Ví dụ, quẻ càn, thời tìm phương vị của quẻ càn trong Bát quái in chữ càn (hay Phục vị) vào cung đó rồi đi thuận theo thứ tự Lục, Thiên, Ngũ, Họa, Tuyệt, Diên, Sinh.

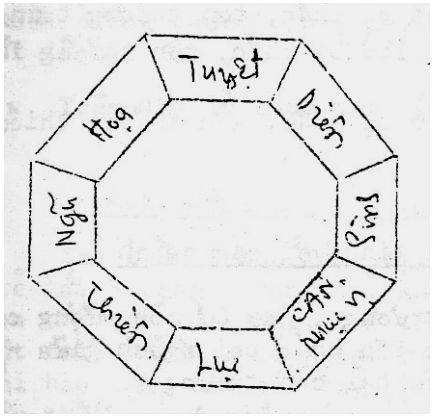

- Càn là Phục vị, tức là hai sao Phụ Bật đều thuộc tính cách cát hung tùy thuộc vào Chủ tinh, Chủ hung thời chúng cũng hung. Vì thế, có tên là Phụ Bật.
- Lục là Lục sát tức là sao Văn khúc, thuộc Thủy hung tinh.
- Thiên là thiên y, tức là sao Cự môn, thuộc Thổ, cát tinh.
- Ngũ là ngũ quỷ, là sao Liêm Trinh - Hỏa – Hung tinh.
- Họa là Họa hại, là sao Lộc Tồn - Thổ - Hung tinh.
- Tuyệt là tuyệt mạng, là sao Phá Quân – Kim, Hung tinh.
- Diên là Diên Niên, là sao Vũ Khúc – Kim, Cát tinh.
- Sinh là sinh khí, là sao Tham Lang - Mộc, Cát tinh.

Đặc tính cát hung của Cửu tinh:

- Cặp sao Tham Lang, gia đạo hanh thông, sinh 5 con thông minh, có văn tài, tinh thông bách nghệ.
- Gặp sao Cự môn – Dương thổ - gia đạo hanh thông, công danh hiển đạt, giỏi về y bốc.
- Gặp sao Lộc Tồn – Âm thổ - gia đạo suy tàn, con cái bất lợi, ngành út lụn bại, ngành nhì khá.

- Gặp sao Văn Khúc - Giảm hạ Thủy – hay sinh chứng bệnh điên cuồng, người trong nhà ngỗ nghịch, ly tổ phá gia.

- Gặp sao Liêm Trinh - Hỏa – sinh được 2 con làm bại hoại cửa nhà, hung ác, làm quân lính hầu.

- Gặp sao Vũ Khúc – Dương Kim – sinh con hào tuấn phát ngành giữa, hiếu thảo, tinh thông bách nghệ.

- Gặp sao Phá Quân – Kim hay gặp chứng bệnh phù thủng vàng da, con cái yểu mạng, con gái bệnh hoạn yểu vong.

- Phụ Bật là Mộc tinh – tùy theo Chủ tinh, cát thời cát, hung thời hung.

Sự tương khắc giữa cung và Sao

- Sao Hỏa mà đóng cung Càn, Càn kim bị khắc, tổn thương ông già, các vị tôn trưởng, phụ mẫu.

- Sao Thổ mà đóng ở cung Khảm, Thủy bị khắc, có tổn thương cho trung nam và con trẻ.

- Sao Mộc đóng ở cung Cấn, Cấn Thổ bị khắc, tổn thương cho thiếu nam.

- Sao Kim đóng ở cung Chấn, Chấn Mộc bị khắc, tổn thương trưởng nam.

- Sao Kim đóng ở cung Tốn, Tốn mộc bị khắc, tổn thương trưởng nữ,

- Sao Thủy đóng ở cung Ly, Ly hỏa bị khắc, tổn thương trung nữ,

- Sao Mộc đóng ở cung Khôn, Khôn Thổ bị khắc, tổn thương lão mẫu, thiếu phụ.

- Sao Hỏa vào cung Đoài, Đoài Kim bị khắc, tổn thương thiếu nữ, ấu phụ.

Ảnh hưởng tốt xấu của cửu tinh với các ngành:

- Sao Tham Lang thời vượng con trưởng. Sao Cự môn vượng con giữa. Sao Vũ Khúc vượng con út. Sao Văn Khúc bại ngành giữa. Sao Lộc Tồn bại ngành út. Sao Phá Quân bại con trưởng.

- Xét về thời kỳ hưng bại thời dựa theo các số: Thủy: 1, Hòa: 2, Mộc: 3, Kim: 4, Thổ: 5, con số này tính theo năm, như ảnh hưởng xuất hiện trong vòng 1, 2, 3… năm.

Ảnh hưởng của các sao đối với số lượng con cái:

Sao Tham Lang vượng được 5 con, Cự môn 3, Vũ khúc 4, Liêm Trinh 2, Phụ Bật chỉ được 1 gái. Văn Khúc 1, Phá Quân tuyệt tự, Lộc Tồn thời tuổi thọ cao nhưng cô đơn.

Ảnh hưởng về âm dương:

Nếu thuần âm thời hay tật bệnh, thuần dương thời tài vượng, nhưng hiếm con cháu. Trong mà khắc ngoài thời trộm giặc không thể xâm nhập. Ngoài khắc trong thời thân thể bị tổn thương, âm mà đến cung dương thời sinh con gái trước, Dương đến cung âm thời sinh con trai (xem phần giải thích ở ngay dưới).

Cát tinh thuộc Đông Tây tứ trạch:

Âm dương hay phu phụ chính phối đều là Diên Niên (Vũ Khúc) như Càn phối Khôn, Cấn phối Đoài… Thuần âm thuần dương đều thuộc Thiên Ất (tức Thiên y Cự môn), một âm một dương đều thuộc sinh khí (Tham Lang) như Chấn gặp Tốn, Ly, Đoài.

Cát hung tinh thuộc Đông Tây tứ trạch:

Thuần âm thuần dương tương khắc là Ngũ quỷ (như Càn Kim khắc Chấn Mộc, Đoài Kim khắc Tốn Mộc) Dương khắc Âm, Âm khắc Dương, hoặc thuần dương tương sinh, thuần âm tương sinh, nếu không là tuyệt mạng tức là Lục sát.

Trên đây là cách xem Đông Tây tương hỗn.

Ảnh hưởng của Ngũ quỷ - Liêm trinh với các cung:

Sao Liêm Trinh đóng tại các cung Càn, Đoài tổn thương cho con trẻ đến 5 mạng, trong nhà không được yên lành. Đóng tại cung Khảm con thứ gặp tai ương, con trưởng và con nít yểu tử, trong nhà bệnh tật triền miên. Đóng tại cung Tốn, hay bị trộm giặc cướp bóc, tiền tài hao tán, con cái bị hỏa ách. Đóng tại cung Hỏa, những

năm đầu thời ngành thứ khá giả, trưởng nam nắm giữ quyền hành, sau đó tán tài, tai họa đến. Đóng tại các cung Cấn Khôn, tổn hại lục súc, cung Khốn thời tổn thương 5 mạng, cung Cấn tổn thương 3 mạng.

Ảnh hưởng vào các năm của Sao:

- Sinh khí ảnh hưởng tốt cho những năm Hợi Mão Mùi.
- Diên niên ảnh hưởng tốt cho những năm Tỵ Dậu Sửu.
- Thiên Ất ảnh hưởng tốt cho những năm Dần Ngọ Tuất.
- Phụ Bật ảnh hưởng tốt cho những năm Hợi Mão Mùi.
- Tuyệt Mạng ảnh hưởng xấu cho những năm Tỵ Dậu Sửu.
- Lộc Tồn ảnh hưởng xấu cho những năm Dần Ngọ Tuất
- Ngũ Quỹ ảnh hưởng xấu cho những năm Dần Ngọ Tuất
- Lục Sát ảnh hưởng xấu cho những năm Thân Tý Thìn

Đông trạch nhiên tinh và Ngũ hành

- Động trạch là nhà có nhiều phòng, nhiều ngăn, phải dùng phép ngũ hành tương sinh làm sao cho chủ phòng gặp được cát tinh như sinh khí, Thiên Ất và tránh cát hung tinh như Ngũ quỹ, Tuyệt mạng…

- Động trạch nếu không quá số lượng 5 phòng, 5 căn hoặc 5 viện thời chỉ dùng Ngũ hành của Ngũ tinh như Cự môn sinh Vũ khúc, Vũ khúc sinh Văn khúc, Văn khúc sinh Tham Lang, Tham Lang sinh Liêm Trinh, và Liêm Trinh sinh cho Cự môn… Cát tinh có thể sinh hung tinh và ngược lại.

- Biến trạch thường phải dùng hai Kim, hai Mộc hoặc hai Thổ, vì biến trạch số lượng phòng, căn, viên vượt quá 5, đến 10, vì thế cách phiên tinh của biến trạch khác động trạch. Do đó phải dùng hai Kim, hai Mộc hoặc hai Thổ. Ví dụ, phòng trước tiên là Tham Lang (Mộc), phòng thứ hai là Phụ Bật (Mộc) kế đó mới tới Liêm Trinh (Phòng 3) (Hỏa), phòng thứ tư là Lộc Tồn (Thổ), theo nguyên tắc thời trước dùng Lộc Tồn sau dùng Thiên Ất (Thổ), kế đến là Vũ Khúc (Kim) trước dùng Vũ Khúc, sau dùng Phá Quân (Kim), Phá Quân sinh Văn Khúc (Thủy), Văn Khúc sinh Phụ Bật (Mộc) trước dùng Phụ Bật, sau mới dùng Tham Lang, Cát không sinh hung, hung không sinh Cát. Nếu Biến trạch chỉ có 6 phòng thời phải trùng dụng 1 lần, 7 phòng thời phải trùng dụng 2 hai lần, 8 phòng thời trùng dụng 3 lần (Mộc, Kim hoặc Thổ) còn các phòng thứ 9, thứ 10 thời cứ việc sao này sinh sao khác như thường lệ.

- Hóa trạch là nhà gồm 11 phòng đến 15 phòng, việc khảo sát cũng giống như động trạch. Ba hành Mộc Thổ Kim đều được trùng dụng, riêng hai hành Thủy Hỏa thời đơn dụng. Vì lẽ Ngũ hành của Bát quái đều có hai Mộc, hai Thổ và hai Kim, nhưng chỉ có 1 Thủy, 1 Hỏa.

Sự ứng nghiệm của 4 hung tinh:

Văn Khúc chủ tà dâm, tự ái, Liêm Trinh chủ hỏa ách đau tim. Lộc Tồn chủ cô quả, lòa mắt. Phá Quân chủ về quan tài.

Luận về Ngũ hành và các chứng bệnh:

Muốn biết rõ chứng bệnh gì thời phải xét theo ngũ hành Kim thời là bệnh ho suyễn, lo sợ, khí huyết, máu mủ, gân cốt đau nhức. Mộc thời tứ chi suy nhược, bệnh phong, gan mật, hai bên tay chân đau đớn, co rút, mắt miệng méo lệch. Hỏa thời nhức đầu hỏa vượng, tam tiễn nóng, miệng khô ráo, hay nói sảng, thuộc về dương chủng dương hàn, đau bụng, nhọc độc, ác tật. Thủy thời hay mắc chứng hàn di tinh, bạch đới, đau lưng đau thận, thổ tả. Thổ thời liên quan đến tỳ vị, bụng chướng, phù thủng vàng da, và các chứng bệnh ôn dịch, thời khí.

- Kim Mộc tương khắc thời bị điên cuồng, hung tử
- Thủy Thổ tương khắc thời trong hay bất hòa.
- Mộc Thổ tương khắc thời tổn thương tỳ vị.

- Thủy Hỏa tương khắc thời bị lao trùng.

Phép xem Tĩnh trạch:

Khi xem tĩnh trạch thời đặt La Bàn ở giữa sân, và căng giấy chữ thập theo hướng Nam Bắc, Đông Tây, sau đó định rõ hướng của 24 sơn xem Chủ đóng ở cung nào, thuộc chữ nào, Môn thuộc cung nào, chữ nào và bếp thuộc cung nào (Nhìn vào La bàn để biết rõ cung và chữ) sau đó phối hợp Đông Tây tứ trạch mà đoán cát hung.

Phép xem Đông trạch, Biến trạch và Hóa trạch:

Khi xem các trạch trên, trước hết đặt La bàn ở trong đại môn và ngoài nhà, dùng thân tự tuyên để xem Đại môn thuộc cung nào, chữ nào, thuộc Đông hay Tây Tứ trạch. Kế đến xem xét các phòng hoặc các căn nhà, lấy căn nào cao nhất làm chuẩn đặt La Bàn tại giữa và căng thập tự tuyến và xem nhà này thuộc cung nào và chữ nào. Sau hết, đến giữa bếp lại hạ La bàn, căng thập tự tuyên như trên. Như vậy là có thể xác định được phương hướng của Môn - Chủ - Táo, kết hợp cả 3 cần được tương sinh, kỵ tương khắc, Đông Tây không được hỗn loạn.

Việc khảo sát công sở ở tỉnh, phủ, huyện… hoặc đền thờ miếu vũ, hàng quán làm ăn, cũng đều dựa vào sự khảo sát trên như Tĩnh trạch, Động trạch… nhưng hơi khác đôi chút với nhà cửa dân gian, Phủ thự, nha sở phải lấy Lộc làm chủ.

Ví dụ: Nha thự thuộc Tốn sơn, càn hướng, mở chính môn, thời ở trong chính viện đặt La Bàn, phân chia tấm quẻ 24 sơn xem Môn, Chủ, Táo thuộc cung nào, chữ nào theo bài ca Đại Du Niên tính thuận để xét về sinh khắc chế hóa mà định cát hung.

Thái cực pháp về Môn - Chủ - Táo

Tuy có sự phân chia làm 24 sơn nhưng cũng nằm trong phạm vi Bát quái, mỗi quẻ bao gồm 3 sơn, Ví dụ 3 chữ Càn Tuất Hợi đều thuộc quả Càn, Nhâm Tý Quý đều thuộc quẻ Khảm. Vì thế khi xem xét, bất luận là 1 hay 2, 3, 4, 5 đều 10 viện, cũng bất luận là phòng chính, phòng phụ, cũng bất luận là viện trước viện sau, trái hay phải, chỉ cần lấy phòng viện nào cao lớn nhất làm chuẩn, chiều cao thời căn cứ vào cái nóc. Tại nơi được chọn lựa ngay giữa nhà hạ La bàn xem thuộc chữ nào và cung nào của Bát quái. Môn là cổng ra đường đi, chữ không cần phân biệt lớn, nhỏ, muốn biết cát hung phải xem cổng này. Xét về bếp thời xét hướng của nhà bếp, tức là cửa ra vào bếp, chứ không phải là cửa bếp lò, cả 3 nơi này đều đặt La bàn để xác định phương hướng, rồi tổng hợp cả 3 để khảo sát theo ngũ hành sinh khắc mà định cát hung.

Cách phân biệt Tĩnh trạch, Động trạch, Biến trạch, Hóa trạch:

Dương trạch gồm có 4 loại là Động Tĩnh Biến Hóa:

- Nếu nhà đó chỉ có đơn thuần 1 viên, 1 phòng thời gọi là Tĩnh trạch. Việc khảo sát chỉ cần xét nơi cửa an các sao theo Du Niên.

- Nếu nhà đó gồm có 2, 3, 4 đến 5 viện thời gọi là Động trạch, đúng phép xảo phiên Bát quái. Tại sao Động trạch lại chỉ giới hạn có 5 phòng, vì chỉ có 5 hành Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ. Từ 6 phòng đến 10 phòng, gọi là Biến trạch. Điều này có thể lý giải là: Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục Thành Chi… Từ Nhất, Lục, Nhị, Thất, Tam Bát, Tử Cửu và Ngũ Thập, số 10 là số cuối cùng và là thành số. Quá số 10 lại trở về số 1, vì thế gọi là Biến trạch. Cách khảo sát phải cùng song Kim, song Mộc, song Thổ, đó lập hướng pháp Xảo phiên Bát quái nói trên. Sau hết là nhà có từ 11 phòng trở lên đến 15 thời được gọi là Hóa trạch, Thổ thuộc số 5, muôn vật đều do Thổ mà ra.

Phép giải hung của bếp:

Đây là nguồn gốc nuôi dưỡng con người, bệnh tật cũng do ăn uống mà sinh ra. Do đó bếp phải an theo hướng có sinh khí. Thiên Ất hay Diên Niên, đó là 3 kiết phương, điều tối kỵ là làm bếp ở hung phương như Ngũ quỷ và Lục sát. Nếu phạm vào cát hung phương này thời hại người hại của, hay sinh bệnh hoạn. Muốn giải trừ hung họa, thời dọn dẹp hết tro bụi trên bếp cũ, cúng nước sạch quét rửa cho sạch sẽ.

Sau đó đem tro bụi ra đổ ở sông hoặc hoặc ở vùng đồng trống. Mua những vật liệu mới xây cất theo cát phương Thiên y như vậy có thể giải quyết được hung tai, điều này rất ứng nghiệm, nếu bếp thuộc phương Mộc sẽ ứng nghiệm trong vòng 30 ngày, bếp thuộc phương Thổ ứng trong vòng 50 ngày, bếp thuộc phương Kim, ứng nghiệm trong vòng 40 ngày, bếp thuộc Hỏa ứng trong vòng 20 ngày, cuối cùng bếp thuộc phương Thủy sẽ ứng trong vòng 60 ngày. Nếu chủ cũng được cát phương thời bệnh mau khỏi, thêm con thêm của, và công danh hoạn lộ thường ứng trong vòng 3 năm.

Ngoài ra những đồ thiết khí hay vật cứng, trang bị cho bếp cũ, vì e hung khí chưa tan, nên để ý nơi trống trải, đúng 100 ngày có thể dùng lại mà vô hại. Riêng những vật dụng thường dùng như chén bát, đũa, muỗng… đều không kỵ. Trái lại chỉ kỵ đồ dùng bằng sắt, sau 5 ngày mang đi bỏ ở nơi xa, đúng 5 ngày là lấy theo ý nghĩa phá Ngũ quỷ.

Cách phân biệt rõ các táo

Khi thấy trong nhà có những hiện tượng như ốm đau, trẻ con khó nuôi, tuổi già cô độc không con cái bệnh hoạn lâu không khỏi, hôn nhân trắc trở, cần đặt lại bếp vào phượng Thiên y (Thiên Ất hay Cự môn) và chiếu theo mạng nguyên của Trạch chủ mà an giường nằm, bếp nước sẽ được đại cát.

Học hành mãi mà thi cử không đậu, hoặc trong nhà gặp cảnh cùng khốn, thời nên đặt bếp vào phương sinh khí, cổng lớn theo phương sinh khí, ngoài sinh trong tức là Môn sinh chủ sẽ có hiệu quả rất mau. Nếu cầu tài, trong vòng 100 ngày sẽ hiệu nghiệm.

Con trai con gái trong nhà thường bị yểu mạng đó là hung triệu, gặp trường hợp này nên đặt bếp vào phương Diên Niên sẽ được tặng tuổi thọ. Đặt cổng lớn theo phương Diên Niên và Chủ an theo Thiên y phương rất tốt.

Các phương sinh khí, Thiên y và Diên Niên kể trên cần được hợp với Mạng Nguyên của Trạch chủ. Nếu không được sự tương hợp thời an giường và táo khẩu (miệng lò lửa) hợp với phương hướng của Trạch chủ cũng rất tốt, tuy vậy không bằng trường hợp trên. Tóm lại, muốn được toàn mỹ cần được 5 điều: Môn, Chủ, Táo, giường nằm và táo khẩu đều hợp với bản mệnh của Trạch chủ.

Hiệu quả tốt của 3 cát tinh:

- Gặp được cát phương Tham Lang (tức sinh khí) thời sinh được 5 con, công danh hiển đạt, mau giàu có, tăng nhân khẩu, may mắn dồn dập đến, trong 30 ngày có hiệu quả.
- Gặp được cát phương Thiên Ất (tức Cự môn) thời vợ chồng hòa thuận, sinh được 3 con hiền, làm ăn giàu có, ít bệnh tật, nhân khẩu, gia súc đều tăng tiến hưng vượng, nó hiệu quả trong vòng 50 ngày.
- Gặp được cát phương Vũ khúc (tức Diên Niên) sinh được 4 con hiền, giàu vào hàng trung phú nhưng thượng thọ, vượng tài, vợ chồng hòa thuận, hôn nhân tốt đẹp, ruộng vườn mở mang, nhân khẩu và lục súc đều thịnh, thường có tin mừng.
- Gặp được Phục vị (tức hai sao Phụ Bật) thời được Tiểu Phú trung thọ, nhiều gái ít trai (Sao này có tính cách phụ họa).

Hiệu quả xấu của 4 hung tinh:

- Tuyệt mạng (Phá Quân) thuộc Kim đóng tại cung Ly ví như con thú cùng đường quay đầu lại cắn, đóng tại cung Tốn, giống như kẻ bạo tàn đắc chí, tàn hại kẻ trung lương, đóng tại 2 cung Cấn Khôn, ví như chứa lương để nuôi giặc, dưỡng hổ di họa, đóng tại cung Khảm như dồn cọp xuống hổ, gầm thét vang trời, đóng tại hai cung Càn Đoài giống như lang sói, sẽ có lúc cắn lại.

CON TIEP